TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2023/DS-ST
Ngày: 27-10-2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà*:** Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 484/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 493/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

<u>*Nguyên đơn*</u>: Bà Lê Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

<u>*Bị đơn*</u>: Ông Nguyễn Văn X (S), sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

<u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>:

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Ông Trần Văn S1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1: Bà Lê Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020).

- Bà Trình Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- Cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 06/10/2004; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- Cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 29/6/2011; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Văn T2 và cháu Nguyễn Thị Ngọc H: Ông Nguyễn Văn X (S), sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ I, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện A: Ông Trần Hòa H1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hòa H1: Bà Nguyễn Thị N1, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền số 198/UQ-UBND ngày 13/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện A, tỉnh An Giang).

Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn X (S) và bà Trình Thị P có mặt; bà Lê Thị N vắng mặt không rõ lý do; ông Nguyễn Văn C và đại diện UBND huyện A có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lê Thị L là con của ông Lê Văn L1 (liệt sỹ) và bà Huỳnh Thị H2 (chết năm 2019). Bà L sinh sống cũng bà H2 từ nhỏ cho đến khi lập gia đình. Năm 2003, gia đình có đăng ký mua trả chậm nền nhà và khung nhà tiền chế tuyến dân cư xã K, huyện A theo đối tượng gia đình chính sách và được UBND huyện A phê duyệt với nền nhà số B, lô H, ngang 06 m, dài 18 m với tổng diện tích là 108 m^2 tọa lạc tại cụm dân cư xã K thuộc ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang theo Quyết định số 668/QĐ.UB ngày 13/8/2004 (sau đây gọi tắt là Quyết

định 668) về việc phê duyệt danh sách xét duyệt phân phối nền nhà C1 dân cư xã K của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A.

Năm 2006, bà H2 có cho con riêng là ông Nguyễn Văn S2 (Xương) cùng vợ là bà Trình Thị P về nhà ở nhờ. Bà L và chồng đi làm ăn xa nên để 02 con là ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1 ở lại chung sống với bà H2, thỉnh thoảng bà L về nhà thăm bà H2 và các con.

Ngày 16/3/2019, bà H2 chết không để lại di chúc. Bà L có thỏa thuận với ông X sẽ hỗ trợ cho ông X một số tiền di dời đến nơi ở khác để bà L tu sửa và trở về sinh sống, thờ cúng cha mẹ. Ông X không đồng ý vì cho rằng căn nhà này do ông X thừa hưởng từ bà H2. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn X (S2), bà Trình Thị P, cháu Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Nguyễn Văn T2 phải di dời nhà, trả lại đất có diện tích 108 m^2 để bà L trở về sinh sống, thờ cúng cha mẹ, giữ gìn nhà và đất được nhà nước cấp do là con của liệt sĩ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X (S2) cho biết: Bà Huỳnh Thị H2 (đã chết) là mẹ ruột ông X và được tặng thưởng huy chương kháng chiến vào năm 2012. Năm 2004, chính quyền địa phương di dời dân vào cụm tuyến dân cư, do hoàn cảnh gia đình thuộc diện khó khăn, hộ nghèo nên UBND xã K xem xét cấp cho 01 nền nhà thuộc tuyến Cụm dân cư xã K thuộc ấp A, xã K, huyện A. Đến năm 2006 thì ông X đến cất nhà ở và nuôi bà H2 cho đến khi bà H2 qua đời. Sau khi bà H2 qua đời thì bà L cho rằng nền nhà được cấp cho liệt sĩ nên xảy ra tranh chấp.

Ông Nguyễn Văn X (S2) còn cho rằng, nền nhà số B, lô 8, ngang 06 m, dài 18 m với tổng diện tích là 108 m^2 tọa lạc tại cụm dân cư xã K thuộc ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang được cấp cho hộ bà Huỳnh Thị H2 theo lời trình bày của bà L không phải là nền nhà mà ông X đang sinh sống. Nền nhà mà ông X đang sinh sống được ông và bà H2 mua trả chậm theo diện hộ nghèo. Theo đó, ông X cung cấp "Phiếu bốc thăm phân lô, nền tuyến dân cư xã K" nền số 91, lô 08. Do đó, ông X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị N cho biết: Bà N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, bà N yêu cầu Tòa án hòa giải cho bà L và ông X để anh em không còn tranh chấp. Ngoài ra, bà N không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử. Ngoài ra, ông C không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trình Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không có yêu cầu nào khác.

Ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn X (S2), bà Trình Thị P, cháu Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Nguyễn Văn T2 phải di dời nhà, trả lại đất có diện tích 108 m^2 cho bà Lê

Thị L do nền nhà này được cấp cho đối tượng chính sách thân nhân liệt sĩ Lê Văn L1 là bà Lê Thị L. Ông D, ông T, ông S1 xác định là những người trong hộ gia đình tại thời điểm cấp nền nhà, các ông không có yêu cầu được nhận nền nhà mà giao lại nền nhà này cho bà L được toàn quyền sử dụng.

Theo Công văn số 870/UBND-NC ngày 19 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện A cho biết: Hộ bà Huỳnh Thị H2 được UBND xã K một nền nhà giá cơ bản tại cụm dân cư xã K và được UBND huyện A phê duyệt tại Quyết định 668. Nền nhà mà hộ bà Huỳnh Thị H2 đang sử dụng là nền nhà số B, lô 8 thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14, diện tích 108 m^2 nằm trên mặt bằng quy hoạch phân lô cụm dân cư trung tâm xã K đã được Sở Xây dựng tỉnh A phê duyệt ngày 16 tháng 3 năm 2017. Ngoài ra, theo Công văn số 1266/UBND-NC ngày 26 tháng 10 năm 2023, UBND huyện A đề nghị Tòa án yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp hồ sơ, chứng cứ có liên quan để xét xử vụ án dân sự đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp, bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn X (Sương) thống nhất với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án công khai, xác định đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do các đương sự đều giữ nguyên yêu cầu của mình nên hòa giải không thành.

Tòa án ban hành Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo về việc giao nộp bản tự khai và tài liệu, chứng cứ để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp: Bản chính Đơn xin miễn tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; bản chính Đơn yêu cầu được trợ giúp pháp lý; bản photo Văn bản cam kết không bỏ sót người thừa kế; bản chính Tờ tường trình; bản photo Quyết định số 668/QĐ.UB ngày 13/8/2004 của Chủ tịch UBND huyện A về việc phê duyệt danh sách xét duyệt phân phối nền nhà cụm dân cư xã K, kèm theo danh sách các hộ được cấp; thông báo số 23/TB-UBND ngày 28/6/2019 của UBND xã K về việc giải quyết tranh chấp đất đai; bản sao bằng Tổ quốc ghi công, các quyết định công nhận liệt sĩ; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần Văn D và Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị L.

Các tài liệu, chứng cứ do ông X giao nộp: Bản photo sổ hộ khẩu gia đình mang tên Huỳnh Thị H2; bản photo Huy chương kháng chiến hạng nhất mang tên Huỳnh Thị H2; bản photo Bằng Tổ quốc ghi công mang tên Lê Văn L1; bản chính Tờ tường trình mang tên Nguyễn Văn X; bản photo Phiếu bốc thăm, phân lô, nền tuyến dân cư xã K.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1 giao nộp: Bản chính bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trình Thị P, ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N giao nộp: Không có.

Các tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh An Giang giao nộp: Bản chính Giấy ủy quyền số 53/UB-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện A, tỉnh An Giang; bản chính Công văn số 870/UBND-NC ngày 19 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện A.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ – Chi nhánh A; biên bản định giá tài sản ngày 26/8/2022; biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/8/2022; Công văn số 53/TA-TTDS ngày 24/3/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện A; bản chính Công văn số 18/TGPL-HCTH ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A; Biên bản xác minh tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện A ngày 04/10/2023; Biên bản xác minh tại cán bộ hưu trí phụ trách người có công trước năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã K ngày 04/10/2023; biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 04/10/2023; biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17/10/2023; Công văn số 03/CAH-QLHC ngày 02/10/2023 của Công an huyện A; Công văn số 04/CAH-QLHC ngày 24/10/2023 của Công an huyện A; bản sao Trích lục kết hôn số 868/TLKH-BS ngày 29/9/2023.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa,

Bà Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn X (S2), bà Trình Thị P, cháu Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Nguyễn Văn T2 phải di dời nhà và tài sản trên đất, trả lại cho bà L phần đất là nền nhà số B, lô 8 thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14, diện tích 108 m^2, bà L tự nguyện hỗ trợ cho ông X, bà P số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bà L cũng rút lại yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A.

Ông Nguyễn Văn X giữ nguyên lời trình bày, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Ngoài ra, ông X còn cho biết, nếu bà L chứng minh được là con của liệt sĩ Lê Văn L1 thì ông X sẽ trả lại đất cho bà L. Ngoài ra, nhà vệ sinh đã được ông X xây dựng kiên cố, nên việc di dời là không thể thực hiện, nếu di dời thì chỉ có thể đập bỏ.

Ngoài ra, bà L và ông Xương c thống nhất xác định thì ông L và bà H2 còn có các anh em cùng mẹ (bà Huỳnh Thị H2), khác cha là bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C.

Bà Trình Thị P giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ – chi nhánh A: Các điểm 4, 8, 19, 14 có diện tích 108,0 m^2 là phần đất thuộc thửa số

132, tờ bản đồ số 14 do phía bà L chỉ dẫn thuộc Khu dân cư Trung tâm xã K, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các điểm 5, 6, 10, 11, 12, 13 có diện tích 52,9 m^2 là các góc nhà gỗ + chuồng gà bằng gỗ. Các điểm 15, 16, 17, 18 có diện tích 2,20 m^2 là các góc nhà vệ sinh xây bê tông. Đoạn 7 đến 9 là vị trí hàng trụ sắt (chưa đổ bê tông).

- Theo biên bản định giá tài sản ngày 26/8/2022:

+ Đất nằm trong cụm tuyến dân cư xã K, loại đất ở nông thôn có giá: 385.000 đồng/ m^2 x 108 m^2 = 41.580.000 đồng.

+ Tài sản trên đất:

. Nhà tạm, kết cấu mái tole , vách tole, khung gỗ tạp, nền lát gạch tàu có giá: 69.716.000 đồng.

. Trại chăn nuôi (chuồng gà), kết cấu mái tole, vách tole, khung gỗ tạp, nền đất có giá: 3.209.000 đồng.

. Nhà vệ sinh, kết cấu tường gạch xây, mái tole, đáy đan bê tông cốt thép có giá: 12.558.000 đồng.

Tổng cộng: 85.483.000 đồng.

Ngoài các tài sản nêu trên thì trên đất không có cây trồng, tài sản nào khác.

- Theo Công văn số 17/TTPTQĐ-DC ngày 30 tháng 3 năm 2022, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện A cho biết: Hộ bà Huỳnh Thị H2 được UBND xã K xét duyệt 01 nền nhà giá cơ bản tại cụm dân cư trung tâm xã K và được UBND huyện A phê duyệt tại Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/8/2004. Theo danh sách rà soát nền nhà của UBND xã K thì hộ bà Huỳnh Thị H2 đang sử dụng nền nhà số B, lô 8 thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 14, diện tích 108 m^2. Đến nay, hộ bà Huỳnh Thị H2 chưa nộp tiền nền nhà.

- Theo Công văn số 18/TGPL-HCTH ngày 14 tháng 3 năm 2023, Trung tâm T cho biết: Nguyên đơn Lê Thị L thuộc đối tượng con liệt sĩ nhưng không có sổ hộ nghèo cận nghèo hoặc Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Do đó, bà L không đủ điều kiện để được Trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm 7 Điều 33 Thông tư 08/20217/TT-BTP ngày 15/11/2017.

- Theo biên bản xác minh ngày 04/10/2023, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện A, tỉnh An Giang cho biết: Thân nhân của liệt sĩ Lê Văn L1 (số hồ sơ:AGG/LS 7582) bao gồm: Bà Lê Thị L, sinh năm 1971; nguyên quán: Xã P, huyện A, tỉnh An Giang; bà L có quan hệ là con ruột của liệt sĩ Lê Văn L1 (theo bản khai ngày 15/9/1994). Ngoài bà L và bà H2 thì liệt sĩ Lê Văn L1 không có thân nhân nào khác. Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1942, nguyên quán: Ấp C, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; bà H2 có quan hệ là vợ liệt sĩ Lê Văn L1, đã tái giá (theo bản khai ngày 10/5/1997). Bà Huỳnh Thị H2 được công nhận là vợ của liệt sĩ từ năm 1997, chỉ được hưởng các chế độ dành cho thân nhân của liệt sĩ, không được công nhận là đối tượng chính sách cũng như được

hưởng các chế độ chính sách dành cho người có công khác. Bà H2 chỉ được công nhận chính sách kể từ ngày 06/11/2012 theo Quyết định số 1874 ngày 06/11/2012 của Chủ tịch nước về việc tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất. Việc sao y hồ sơ liệt sĩ thuộc thẩm quyền của cơ quan lưu trữ hồ sơ là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh A.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2023 có sự xác nhận của UBND xã K, ông Nguyễn Văn L2 cho biết: Ông L2 là Phó Trưởng ấp 3 (nay là ấp T), xã K, huyện A, tỉnh An Giang giai đoạn từ năm 1993 – 1996 và 1997 – 2004 nên ông L2 biết rõ hộ gia đình của bà Huỳnh Thị H2. Bà Lê Thị L và bà Huỳnh Thị H2 trước đây chung sống tại nhà tình nghĩa tại ấp C (nay là ấp T), xã K, huyện A, tỉnh An Giang, nhà tình nghĩa do địa phương xây tặng trên phần đất của ông Trần Văn X1 (ông hai T) cho bà H2 và bà L do cha bà L là liệt sĩ Lê Văn L1 . Bà L lập gia đình với ông Trần Văn D, ôn D là người địa phương. Cả bà L và ông D có đăng ký thường trú tại địa phương, chủ hộ là cha ruột ông D (ông Trần Văn M). Sau khi có gia đình, bà L, ông D cùng các con tiếp tục chung sống cùng bà H2. Đối với ông Nguyễn Văn X (S2), ông X không phải người địa phương và cũng không sinh sống tại địa phương, ông X chỉ thỉnh thoảng đến thăm bà H2. Đối với bà Lê Thị N, bà N không chung sống cùng bà H2, bà L, bà N cũng không phải người địa phương, không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa phương. Như vậy, xác định hộ gia đình bà H2 bao gồm 05 nhân khẩu là bà Huỳnh Thị H2, ông Trần Văn D, bà Lê Thị L và 02 con của bà L, ông D. Đó cũng là cơ sở để Ban ấp lập hồ sơ xin cấp nền nhà cho đối tượng chính sách với đại diện chủ hộ là bà Huỳnh Thị H2. Ông L2 yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh ngày 04/10/2023 có sự xác nhận của UBND xã K, ông Nguyễn Văn T3 - cán bộ hưu trí, trước đây là công chức phụ trách người có công của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A cho biết: Ông T3 là thành viên trong Hội đồng xét duyệt nền nhà cho các hộ đăng ký vào Cụm tuyến dân cư xã K trong năm 2004, trong đó có hộ của bà Huỳnh Thị H2. Thời điểm xét duyệt, hộ bà Huỳnh Thị H2 cư trú tại ấp C (nay là ấp T), xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Hộ bà Huỳnh Thị H2 được xét duyệt theo đối tượng hộ chính sách với số nhân khẩu là 05 người gồm: Bà Huỳnh Thị H2, bà Lê Thị L, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1. Cả 05 người sống trong nhà tình nghĩa được xây cất cho thân nhân của liệt sĩ Lê Văn L1. Bà H2 thời điểm này bà H2 chỉ đại điện cho hộ được cấp nền nhà do là vợ của liệt sĩ, bà H2 không được xem là đối tượng chính sách. Đến năm 2012 thì bà H2 mới được xét duyệt và công nhận là đối tượng chính sách do được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất. Ông T3 yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17/10/2023, ông Lê Văn K cho biết: Ông K là người địa phương, sinh sống tại ấp C (nay là ấp T), xã K, huyện A, tỉnh An Giang từ năm 1983 cho đến nay. Ông K được UBND xã K, huyện A tuyển dụng làm Trưởng ban ấp 3 (nay là ấp T) từ năm 2002 đến năm 2005 (theo Quyết định tuyển dụng cán bộ số 58/QĐ.UB ngày 26 tháng 11 năm

2002). Ông K sống gần nhà bà Lê Thị L, ông Trần Văn D nên ông K biết rõ hoàn cảnh gia đình của bà L. Ông K trình bày lời khai thống nhất với bà L, ông D, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T3. Ngoài ra, ông K còn cho biết, khoảng năm 2004, địa phương xem xét cấp nền nhà cho đối tượng hộ chính sách cho bà Lê Thị L do là con của liệt sĩ, hộ gia đình của bà L tại thời điểm này gồm 05 người: Bà Huỳnh Thị H2, bà Lê Thị L, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1. Do bà H2 là người lớn nhất trong nhà nên đứng tên chủ hộ được cấp nền. Sau khi được cấp nền, chính ông K là người cất nhà tạm cho bà L tại nền nhà được cấp trên cụm dân cư xã K. Ông Nguyễn Văn X thời điểm này vẫn chưa sinh sống cùng bà H2, bà L và cũng không sinh sống tại ấp C (nay là ấp T), xã K, huyện A. Ông K yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/10/2023, ông Nguyễn Văn C2 cho biết: Ông C2 là người địa phương, sinh sống tại ấp C (nay là ấp T), xã K, huyện A, tỉnh An Giang từ năm 1980 cho đến nay. Ông C2 biết rõ hoàn cảnh gia đình bà L. Ông Trần Văn D (tên thường gọi là L3) là người địa phương và là chồng của bà L. Sau khi lập gia đình với ông D thì bà L về chung sống cùng ông D. Sau đó, bà L và ông D rước bà Huỳnh Thị H2 về sống chung. Sau khi rước bà H2 về chung sống, Nhà nước cất căn nhà tình nghĩa cho gia đình bà L trên đất của ông Hai Thợ H3. Bà Lê Thị L, ông Trần Văn D và hai con là ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1 sinh sống cùng bà Huỳnh Thị H2 cho đến năm 2005 thì bà H2 chuyển về nền nhà được Nhà nước cấp. Ông C2 không biết ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị N, xác định ông X, bà N không chung sống cùng bà H2, gia đình bà L từ năm 2004 trở về trước. Ông C2 yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo Công văn số 03/CAH-QLHC ngày 02 tháng 10 năm 2023, Công an huyện A cho biết: Thời điểm từ năm 2004 trở về trước không thể hiện thông tin hồ sơ hộ khẩu của bà Huỳnh Thị H2 không đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã K. Tuy nhiên, tại hồ sơ hộ khẩu số 2166 (K) được lập ngày 15/8/2005 gồm 02 nhân khẩu: Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1943 (chủ hộ); ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1967. Đến năm 2006, hộ bà H2 tăng 01 nhân khẩu: Cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2004. Đến năm 2007, hộ bà H2 tăng 01 nhân khẩu: Con dâu Trình Thị P, sinh năm 1976. Đến năm 2015, hộ bà H2 tăng 01 nhân khẩu: Cháu Nguyễn Văn T1, sinh năm 2011.

- Theo Công văn số 04/CAH-QLHC ngày 24 tháng 10 năm 2023, Công an huyện A cho biết: Qua kết quả tra cứu tàng thư Hộ khẩu Công an huyện A, mẫu NK1 và HK02, túi hồ sơ số 2055 (K) do ông Trần Văn D, sinh năm 1973 (chủ hộ). Ngụ ấp C, xã K, huyện A, tỉnh An Giang thể hiện như sau:

+ Chủ hộ: Trần Văn D, sinh năm 1973;

+ Họ tên vợ: Lê Thị L, sinh năm 1971;

+ Họ tên con: Trần Văn S1, sinh năm 1992;

+ Họ tên con: Trần Văn T, sinh năm 1995;

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn X cũng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, buộc ông Nguyễn Văn X (S2), bà Trình Thị P cùng các con là cháu Nguyễn Văn T1, cháu Nguyễn Thị Ngọc H di dời tài sản trên đất, trả lại cho bà L nền nhà số B, lô 8 thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14, diện tích 108 m^2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A. Về chi phí tố tụng, ông X và bà P phải chịu chi phí tố tụng. Về án phí sơ thẩm, bà L thuộc đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông X và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Bà Lê Thị L khởi kiện ông Nguyễn Văn X (S2) trả lại nền nhà được cấp cho đối tượng hộ chính sách có khó khăn về nhà ở, thời điểm cấp nền đối tượng chính sách là cha ruột bà L là liệt sĩ Lê Văn L1, hộ gia đình được cấp nền có 05 nhân khẩu là bà Huỳnh Thị H2, bà Lê Thị L, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1. Ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1 thống nhất bà L được toàn quyền sử dụng đối với nền nhà do là con duy nhất của đối tượng chính sách được xét duyệt cấp nền. Căn cứ Điều 74, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bà Lê Thị L là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn X (S2) là bị đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng là ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1, bà Trình Thị P, cháu Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C, Ủy ban nhân dân huyện A.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn X (S2) cùng cư trú tại địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang nên căn cứ các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N vắng mặt không rõ lý do, ông Nguyễn Văn C và đại diện UBND huyện A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015, tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[1.5] Bà Lê Thị L có đơn yêu cầu Trợ giúp pháp lý do là con của liệt sĩ Lê Văn L1. Ngày 14/3/2023, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A có Công văn phúc đáp số 18/TGPL-HCTH cho biết bà Lê Thị L không đủ điều kiện để được Trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm 7 Điều 33 Thông tư 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 do không có sổ hộ cận nghèo hoặc Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

[1.6] Trong suốt quá trình tố tụng, bà Lê Thị L xác định ông X và bà P chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Văn T2. Tuy nhiên, theo Sổ hộ khẩu gia đình số 010099415, hồ sơ hộ khẩu số 2166, ngày 26/8/2009 của Công an xã K và Công văn số 03/CAH-QLHC ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Công an huyện A xác định nhân khẩu trong gia đình hộ bà Huỳnh Thị H2 gồm ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P, cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Văn T1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại họ tên của cháu Nguyễn Văn T2 là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 29/6/2011.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Lê Thị L là con của ông Lê Văn L1 (liệt sỹ) và bà Huỳnh Thị H2 (chết năm 2019). Năm 2003, gia đình có đăng ký mua trả chậm nền nhà và khung nhà tiền chế tuyến dân cư xã K, huyện A và được UBND huyện A phê duyệt nền nhà số B, lô H, ngang 06 m, dài 18 m với tổng diện tích là 108 m^2 tọa lạc tại cụm dân cư xã K thuộc ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang theo Quyết định 668. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn X (S2), bà Trình Thị P, cháu Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Nguyễn Văn T2 phải di dời trả lại nhà và đất có diện tích 108 m^2 để bà L trở về sinh sống, thờ cúng cha mẹ, giữ gìn nhà và đất được nhà nước cấp do là con của liệt sĩ. Ông X không đồng ý vì cho rằng căn nhà này do ông X thừa hưởng từ bà H2 để lại.

Theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ – Chi nhánh A thì phần đất tranh chấp do phía bà L chỉ dẫn thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 14 thuộc khu dân cư X xã K có diện tích 108,0 m^2 tại các điểm 4, 8 ,19, 14.

[2.2] Quyết định số 668/QĐ.UB ngày 13/8/2004 về việc phê duyệt danh sách xét duyệt phân phối nền nhà C1 dân cư xã K của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A thể hiện nền nhà được cấp cho hộ bà Huỳnh Thị H2 có số nhân khẩu là 05 người, đối tượng phê duyệt là gia đình chính sách. Qua xác minh, tại thời điểm phê duyệt nền nhà thì bà H2 sinh sống cùng bà L, chồng bà L là ông Trần Văn D và các con bà L là ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1, tổng cộng là 05 người. Ngoài ra, bà Huỳnh Thị H2 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất vào ngày 06/11/2012 cho nên tại thời điểm phê duyệt nền nhà, bà Huỳnh Thị H2 vẫn chưa được xem là đối tượng chính sách. Do đó, việc phê duyệt nền nhà cho hộ bà Huỳnh Thị H2 theo đối tượng chính sách tại thời điểm đó là do chồng bà H2 là liệt sĩ tên Lê Văn L1, bà H2 và ông L1 chung sống chỉ có 01 con chung là bà Lê Thị L. Vì vậy, có thể xác định, Quyết định 668 phê duyệt nền nhà cho hộ bà Huỳnh Thị H2 bao gồm bà Huỳnh Thị H2, bà Lê Thị L, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T và ông Trần Văn S1.

[2.3] Ông Nguyễn Văn X cho rằng nền nhà mà ông đang sinh sống thuộc nền số 91, lô 08 được cấp theo đối tượng hộ nghèo. Tuy nhiên, ông X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày của mình. Ngoài ra, theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ – Chi nhánh A thì phần đất tranh chấp do phía bà L chỉ dẫn và hiện ông X đang sinh sống thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 14 thuộc khu dân cư T xã K có diện tích 108,0 m^2 tại các điểm 4, 8 ,19, 14. Theo Công văn số 870/UBND-NC ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện A và Công văn số 17/TTPTQĐ-DC ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện A cùng xác định nền nhà số B, lô 8 thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14, diện tích 108 m^2 nằm trên mặt bằng quy hoạch phân lô cụm dân cư trung tâm xã K đã được Sở Xây dựng tỉnh A phê duyệt ngày 16 tháng 3 năm 2017. Như vậy, lời trình bày của ông X là không phù hợp với hiện trạng đất tranh chấp và không có căn cứ để xem xét.

[2.4] Ông Nguyễn Văn X thừa nhận từ thời điểm năm 2004 trở về trước, ông X không sinh sống tại ấp C (nay là ấp T), xã K mà sinh sống tại Cần Thơ. Ông trở về sinh sống tại ấp C (nay là ấp T), xã K sau khi ly hôn vợ. Sau khi về sống tại ấp A, xã K thì đăng ký hộ khẩu thường trú với chủ hộ là bà Huỳnh Thị H2 từ năm 2009. Điều này cũng phù hợp với Công văn số 03/CAH-QLHC ngày 02/10/2023 của Công an huyện A, ngoài ra, cũng theo nội dung Công văn thì từ năm 2004 trở về trước không thể hiện thông tin hồ sơ hộ khẩu bà Huỳnh Thị Hoa đăng k hộ khẩu thường trú tại xã K. Như vậy, ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P và 02 con của ông X không phải là những người có trong nhân khẩu tại thời điểm cấp nền.

[2.5] Bên cạnh đó, ông X đồng ý giao nền đất này lại cho bà L nếu bà L chứng minh được là con của liệt sĩ Lê Văn L1. Theo biên bản xác minh tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện A và các Quyết định của Sở Lao động - -Thương binh và Xã hội tỉnh A đều chứng thực bà Lê Thị L là con duy nhất thờ cúng liệt sĩ Lê Văn L1.

[2.6] Ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, ông Trần Văn S1 xác định là những người trong hộ gia đình tại thời điểm cấp nền nhà, các ông không yêu cầu được nhận nền nhà mà giao lại nền nhà này cho bà Lê Thị L được toàn quyền sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông D, ông T, ông S1.

[2.7] Theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ – Chi nhánh A thể hiện các điểm 15, 16, 17, 18 là các góc nhà vệ sinh xây bê tông có diện tích 2,20 m^2. Cũng theo biên bản định giá tài sản ngày 26/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện A thì nhà vệ sinh có kết cấu tường gạch xây, mái tole, đáy đan bê tông cốt thép có giá: 12.558.000 đồng. Theo trình bày của ông X thì nhà vệ sinh được xây kiên cố, không thể di dời mà chỉ có thể đập bỏ. Bà L thống nhất với ý kiến của ông X và tự nguyện quản lý nhà vệ sinh này, đồng thời hoàn lại giá trị cho ông X. Để tránh gây khó khăn cho việc thi hành án, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L, giao nhà vệ sinh cho bà L quản lý và bà L có trách nhiệm hoàn lại cho ông X, bà P số tiền 12.558.000 (mười hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự và Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai. Hội đồng xét xử cũng thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân huyện An Phú, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc buộc ông Nguyễn Văn X (S2), bà Trình Thị P cùng các con là cháu Nguyễn Văn T1, cháu Nguyễn Thị Ngọc H di dời tài sản trên đất, trả lại cho bà L nền nhà số B, lô 8 thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14, diện tích 108,0 m^2 thuộc khu dân cư X xã K, thể hiện tại các điểm 4, 8 ,19, 14 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ - Chi nhánh A.

[4] Tại phiên tòa, bà Lê Thị L tự nguyện hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P với số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để ổn định cuộc sống. Xét thấy việc tự nguyện hỗ trợ của bà L là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Theo Công văn của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện A, thì đến thời điểm hiện nay, chi phí mua nền nhà số B, lô H thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14, diện tích 108 m^2 thuộc khu dân cư Trung tâm xã K vẫn chưa có ai giao

nộp. Do đó, bà Lê Thị L có nghĩa vụ nộp chi phí mua nền nhà sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 7 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013.

[7] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Lê Thị L không phải chịu chi phí tố tụng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà L đã tạm ứng chi phí tố tụng là 1.000.000 (một triệu) đồng (theo Biên bản quyết toán ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú) và chi phí đo đạc là 835.920 (tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi) đồng (theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 14/10/2022 của Văn phòng Đ - Chi nhánh A), tổng cộng 1.835.920 (một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi) đồng. Ông Nguyễn Văn X và bà Trình Thị P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền này theo quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L được miễn tạm ứng án phí, án phí Tòa án do là con liệt sĩ và có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C, đại diện Ủy ban nhân dân huyện A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 166, Điều 168, Điều 188, Điều 203, khoản 7 Điều 210 Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 70, 73, 147, 157, 158, 165, 166, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P tự tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà cùng tài sản trên đất, bao gồm: Các góc nhà gỗ + chuồng gà bằng gỗ thể hiện tại các điểm 5, 6, 10, 11, 12, 13 có diện tích 52,9 m^2, hàng trụ sắt (chưa đổ bê tông) thể hiện từ đoạn 7 đến 9 và trả lại cho bà Lê Thị L phần đất thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 14 có diện tích 108,0 m^2 thuộc khu dân cư xã K thể hiện tại các điểm 4, 8, 19, 14, phần đất tọa lạc tại: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ – Chi nhánh A.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm di dời theo.

Cho thời hạn lưu cư của ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P, cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Văn T1 là 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao cho bà Lê Thị L quản lý nhà vệ sinh có diện tích 2,20 m^2 thể hiện tại các điểm 15, 16, 17, 18 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 03/10/2022 của Văn phòng Đ – Chi nhánh A. Bà Lê Thị L có trách nhiệm hoàn lại cho ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P số tiền 12.558.000 (mười hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

(Có bản vẽ kèm theo)

Bà Lê Thị L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.2. Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L về việc hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn X và bà Trình Thị P số tiền 30.000.000(ba mươi triệu) đồng. Thời gian thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị L chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá với số tiền 1.835.920 (một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Lê Thị L được miễn tạm ứng án phí, án phí Tòa án do là con liệt sĩ và có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án phí, án phí Tòa án.

4.2. Ông Nguyễn Văn X và bà Trình Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P; vắng mặt bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C và đại diện Ủy ban nhân dân huyện A. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn X, bà Trình Thị P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C, UBND huyện A là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Tuân